|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KH-UBND | *Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Tiểu dự án 2 về cải thiện dinh dưỡng, thuộc Dự án 3,**

**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

**trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024**

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2022-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Tiểu dự án 2 Cải thiện dinh dưỡng của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 27/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 về cải thiện dinh dưỡng, thuộc Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (sau đây gọi là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024, cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh.

**2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể**

**2.1. Mục tiêu 1**: Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo và trẻ em đang sinh sống tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh.

**Các chỉ tiêu cụ thể:**

- Giảm 2% tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh so với năm 2023.

- Giảm 1% tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh so với năm 2023.

- Giảm 1% tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ học đường từ 5 - 16 tuổi thể thấp còi tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh so với năm 2023.

- Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo[[1]](#footnote-1).

**2.2. Mục tiêu 2:** Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo; trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh.

**Các chỉ tiêu cụ thể:**

- Trên 80% trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- Trên 80% phụ nữ mang thai sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh được cung cấp miễn phí vi chất dinh dưỡng từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh.

- Trên 80% trẻ từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi, thể gầy còm sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh được bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- Trên 80% từ 5 đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh được cấp bổ sung vi chất dinh dưỡng.

- 100% trẻ em từ 0 - 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng của các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển của tỉnh được phát hiện, điều trị và quản lý.

- Trên 80% trẻ em gái vị thành niên từ 12 - 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố và 90% trẻ em gái vị thành niên từ 12 - 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo của xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được cấp sản phẩm bổ sung có vi chất sắt.

**2.3. Mục tiêu 3:** Bảo đảm ứng phó về phòng, chống suy dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh.

**Các chỉ tiêu cụ thể:**

- Tăng 7 - 10% tỷ lệ trẻ em 6 - 23 tháng tuổi sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh ăn bổ sung đúng, đủ so với năm 2023.

- Tỷ lệ hộ gia đình được cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đạt trên 80%.

**II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG**

Triển khai trên phạm vi toàn tỉnh, trọng tâm các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo của tỉnh theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó:

* Với các xã theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: toàn bộ phụ nữ mang thai, trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn xã.

- Với các địa bàn còn lại: Trẻ em từ 0 đến dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được xác định bởi chính quyền địa phương hàng năm.

**III. NGUYÊN TẮC, ĐIỀU KIỆN, PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ**

**1. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ**

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Trường hợp đối tượng, nội dung hỗ trợ trùng lặp với chương trình, dự án khác có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước thì chỉ lựa chọn theo 01 chương trình, dự án trong đó ưu tiên chương trình, dự án có mức hỗ trợ cao hơn để thực hiện (khi cùng thời điểm triển khai); trường hợp đã nhận hỗ trợ tương tự từ chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo chương trình, dự án đó và không hỗ trợ trùng lắp đối tượng.

**2. Phương thức hỗ trợ**

- Hỗ trợ can thiệp trực tiếp đối tượng phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em từ 0 - 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng (cung cấp gói tư vấn dinh dưỡng, viên đa vi chất - đa vitamin, và khoáng chất, sản phẩm dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng,…).

- Hỗ trợ can thiệp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) về cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng đối với trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng,…

- Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hành vi của các đối tượng thông qua việc tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tư vấn về chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và phụ nữ cho con bú, trẻ em từ 0 - 16 tuổi.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, y tế trường học, nhân viên y tế ấp, khóm; tăng cường nguồn lực phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng và theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo kết quả hoạt động của Chương trình.

**IV. NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG**

**1. Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ cho con bú và trẻ em 0** - **16 tuổi**

**1.1. Cung cấp các dịch vụ tư vấn hướng dẫn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi**

Thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3598/BYT-BM-TE ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, tài liệu Hướng dẫn tư vấn dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Viện Dinh dưỡng và các văn bản có liên quan.

**1.2. Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng**

Căn cứ thực trạng, nguồn cung ứng và nguồn hỗ trợ khác (nếu có), các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch, thực hiện mua sắm, cấp phát và quản lý các sản phẩm vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 của Bộ Y tế và các quy định có liên quan, cụ thể:

- Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6 - 59 tháng tuổi đang sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh (các địa bàn còn lại triển khai theo quy định hiện hành và do nguồn ngân sách hợp pháp khác chi trả).

- Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 6 - 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi.

- Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng.

- Bổ sung vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt.

-  Bổ sung vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai (chỉ thực hiện trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh).

**1.3. Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng (trẻ em từ 0 - 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng)**

- Tổ chức khám sàng lọc phát hiện, quản lý và điều trị trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng tại cộng đồng. Tổ chức mua, quản lý cấp phát và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng, tư vấn hướng dẫn dinh dưỡng cho bà mẹ/người chăm sóc và thăm hộ gia đình theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0-72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý SDD cấp tính ở trẻ em từ 0-72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

**1.4. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em 2 đến dưới 6 tuổi, phụ nữ tuổi sinh đẻ chuẩn bị mang thai**

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số [6437/QĐ-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/quyet-dinh-6437-qd-byt-2018-huong-dan-tay-giun-duong-ruot-tai-cong-dong-397976.aspx) ngày 25/10/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tẩy giun đường ruột tại cộng đồng (thực hiện trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, các địa bàn còn lại triển khai theo quy định hiện hành và do nguồn ngân sách hợp pháp khác chi trả).

**1.5. Lập kế hoạch và dự trữ nguồn sản phẩm dinh dưỡng cho việc ứng phó với ảnh hưởng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh đối với việc chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh**

- Thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật chuẩn bị và ứng phó về dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp và các hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó về dinh dưỡng với khẩn cấp hoặc lồng ghép trong kế hoạch ứng phó về thiên tai thảm họa của tỉnh. Có kế hoạch sử dụng các trang thiết bị, vật tư, thuốc, sản phẩm dinh dưỡng nếu không có tình huống khẩn cấp xảy ra một cách phù hợp, hiệu quả, tránh lãng phí.

**1.6. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ dưới 2 tuổi tại Trạm Y tế và tại cộng đồng**

Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số [4128/QĐ-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/quyet-dinh-4128-qd-byt-2016-huong-dan-quoc-gia-ve-cac-dich-vu-cham-soc-suc-khoe-sinh-san-357665.aspx) ngày 29/7/2016 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; Công văn số [3598/BYT-BM-TE](https://thuvienphapluat.vn/cong-van/the-thao-y-te/cong-van-3598-byt-bm-te-2021-xay-dung-chuong-trinh-cham-soc-dinh-duong-1000-ngay-dau-doi-472975.aspx) ngày 29/4/2021 của Bộ Y tế về hướng dẫn xây dựng và triển khai Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

**1.7. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo cân bằng dinh dưỡng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh**

- Ngành y tế và giáo dục phối hợp lập kế hoạch, tập huấn cho cán bộ triển khai dự án, người phụ trách bếp ăn tại các điểm trường có tổ chức bữa ăn bán trú/nội trú về tổ chức về tổ chức bữa ăn học đường, các kiến thức và kỹ năng giáo dục dinh dưỡng học đường, đẩy mạnh chất lượng giáo dục dinh dưỡng chính khóa và các hình thức ngoại khóa phù hợp.

- Xây dựng kế hoạch giám sát tại điểm trường có tổ chức bữa ăn học đường và hướng dẫn xây dựng thực đơn nhằm đáp ứng nhu cầu cân bằng dinh dưỡng theo khuyến nghị của Bộ Y tế, kết hợp truyền thông dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em tại các trường học, nhà trẻ, gia đình, ...

**1.8. Tư vấn hướng dẫn về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học**

- Thực hiện theo các hướng dẫn hiện hành của ngành y tế và giáo dục.

- Ngành y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn và giám sát, hỗ trợ hoạt động. Ngành giáo dục chỉ đạo các trường tổ chức hình thức tư vấn phù hợp, lồng ghép với chăm sóc y tế học đường, tạo điều kiện cơ sở vật chất để học sinh có thể thực hành dinh dưỡng và vận động thể lực phù hợp theo thể trạng, sức khỏe.

**1.9. Tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ**

- Thực hiện theo hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Trong đó: Sở Y tế (đầu mối là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) chủ trì tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng trạng dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi và khảo sát đối tượng liên quan tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố (đầu mối Trung tâm Y tế) chủ trì tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn.

- Các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan chỉ đạo các ngành, đoàn thể tại cơ sở phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ ngành y tế trong công tác khảo sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

**1.10. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế tỉnh, huyện, xã, ấp/khóm và trường học; cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu truyền thông, tài liệu chuyên môn để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng**

Các địa phương, đơn vị rà soát thực trạng và thực hiện mua sắm, cung cấp theo các quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả.

**1.11. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế ấp/ khóm, y tế trường học, giáo viên/cán bộ làm công tác dinh dưỡng trường học và liên ngành khác về chăm sóc cải thiện dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em**

Các địa phương, đơn vị rà soát nhu cầu thực tế, xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, không tổ chức trùng lắp nội dung, đối tượng đã triển khai trong năm 2023; cập nhật kịp thời các văn bản quy định, hướng dẫn cho cán bộ triển khai dự án các cấp trong tỉnh.

**2. Hoạt động truyền thông về dinh dưỡng**

- Biên tập các nội dung truyền thông hoặc sử dụng các liệu truyền thông do Trung ương cấp về chăm sóc, cải thiện dinh dưỡng bà mẹ trẻ em; nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông về dinh dưỡng bằng nhiều hình thức và kênh truyền thông như truyền thông đại chúng, loa đài, pano, áp phích, internet - mạng xã hội, ...

- Tổ chức chiến dịch, tọa đàm, lễ phát động, các buổi truyền thông và tăng cường phát sóng nội dung thông điệp, phóng sự hướng ứng Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển, Ngày vi chất dinh dưỡng,... năm 2024 theo hướng của Bộ Y tế.

- Tập huấn cập nhật kiến thức, kỹ năng truyền thông cho cán bộ chuyên trách cấp huyện, cấp xã thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe về công tác truyền thông giáo dục sức khỏe và dinh dưỡng, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em.

**3. Hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện**

- Thực hiện theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Tiểu dự án tại các địa phương, đơn vị theo kế hoạch.

- Lập kế hoạch khảo sát, đánh giá lại các chỉ tiêu đánh giá kết quả cải thiện dinh dưỡng tại địa bàn can thiệp để kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nội dung, kinh phí, giải pháp và tổ chức thực hiện hoạt động phù hợp, hiệu quả, đảm bảo tuân thủ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế. Trong đó:

+ Sở Y tế (đầu mối là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) chủ trì tổ chức khảo sát, đánh giá tại địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của tỉnh.

+ Các huyện, thị xã, thành phố (đầu mối là Trung tâm Y tế) chủ trì tổ chức khảo sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn.

- Theo dõi, báo cáo các thông tin, chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động theo quy định của Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Báo cáo kết quả thực hiện nguồn kinh phí Trung ương, vốn đối ứng của địa phương, huy động nguồn vốn hợp pháp và sử dụng cho Tiểu dự án trên địa bàn theo quy định.

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 về cải thiện dinh dưỡng thuộc Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2024 được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giao dự toán kinh phí tại Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đạt mục tiêu đề ra.

- Trên cơ sở Kế hoạch này và nguồn vốn được phân bổ năm 2024, Sở Y tế chủ động phối hợp đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch thực hiện và phân bổ kinh phí cho đơn vị thực hiện. Hướng dẫn, giám sát chuyên môn về thực hiện Tiểu dự án tại các địa phương đảm bảo việc triển khai không chồng chéo, trùng lắp về nội dung hoạt động, đối tượng, địa bàn triển khai.

- Chỉ đạo, phân công rõ trách nhiệm của các phòng, đơn vị trực thuộc được phân công làm đầu mối trong việc tổ chức thực hiện đối với các hoạt động của Tiểu dự án theo hướng dẫn của Bộ Y tế đảm bảo thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Tiểu dự án và báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định; tham mưu trình cấp thẩm quyền về các nội dung liên quan đến Tiểu dự án.

**2. Sở Lao động** - **Thương binh và Xã hội**

Phối hợp, hỗ trợ Sở Y tế tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

**3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với Sở Y tế và các địa phương theo dõi, giám sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, bữa ăn học đường, các hoạt động can thiệp dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe trong trường học. Lồng ghép các chương trình giáo dục thay đổi hành vi về dinh dưỡng hợp lý và vận động thể lực phù hợp với học sinh trong trường học vì mục đích phát triển trẻ thơ toàn diện.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt việc phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và ngành y tế để giáo dục, hướng dẫn về dinh dưỡng và vận động thể lực phù hợp.

**4. Các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Y tế để nghiên cứu lồng ghép nội dung Kế hoạch này với các chương trình, dự án khác do cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo.

**5.** **Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động “Cải thiện dinh dưỡng” trên địa bàn năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06/9/2023 và các văn bản hướng dẫn có liên quan gửi Sở Y tế để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động phối hợp với Sở Y tế xây dựng các nhiệm vụ, hoạt động cải thiện dinh dưỡng trên địa bàn. Đảm bảo triển khai đúng phạm vi, đối tượng, không chồng chéo với các nhiệm vụ, hoạt động do Sở Y tế chủ trì triển khai, không triển khai trùng lắp với các Chương trình, dự án khác.

- Tăng cường xã hội hóa huy động nguồn lực và phối hợp liên ngành nhằm thông tin, tuyên truyền thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và cải thiện dinh dưỡng cho các đối tượng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại địa phương; chỉ đạo các ngành, đoàn thể liên quan tại cơ sở phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ y tế địa phương trong công tác khảo sát, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo trên địa bàn và các hoạt động của Tiểu dự án.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Tiểu dự án trên địa bàn; báo cáo kết quả giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Tiểu dự án theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Sở Y tế để tổng hợp theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 về cải thiện dinh dưỡng thuộc Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, kịp thời phản ánh về Sở Y tế tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Y tế;  - PCT. HTDN;  - UBMTTQVN và cá đoàn thể tỉnh;  - Các sở, ngành tỉnh;  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;  - Lưu: VT, VX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

1. Căn cứ kết quả khảo sát tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo năm 2023, các huyện, thị xã, thành phố đề ra chỉ tiêu cụ thể để đánh giá hoạt động can thiệp cho phù hợp. [↑](#footnote-ref-1)